

Bản án số: 151/2026/HS-ST

Ngày 11/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Nguyễn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Phong.

2. Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Ngọc C**; sinh ngày 09/01/1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: **khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Văn C1** (chết) và bà **Thân Thị Yên H** (chết); chồng: **Nguyễn Văn Y** (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án: Tại Bản án số 40/2018/HS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12-Tây Ninh), căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt **Trần Ngọc C** 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; chấp hành án tại **Trại giam T4** đến ngày 05/12/2023 (chấp hành xong), chưa đủ thời hạn để được xóa án tích, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2025 cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Tổng Văn T**; sinh ngày 20/5/1996, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: **khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Tổng Văn T1** và bà **Huỳnh Thị H1**; vợ, con: chưa có; tiền án: Tại Bản án số 57/2019/HS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh) căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt **Tổng Văn T** 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án tại **Trại giam C2** đến ngày 10/7/2025 (chấp hành xong), chưa đủ thời hạn để được xóa án tích; tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2025 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00, ngày 24/10/2025, **Công an phường T**, tỉnh Tây Ninh tiến hành tuần tra an ninh trật tự trên địa bàn **phường T**. Khi đến đoạn đường nhựa thuộc **khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh** phát hiện **Tổng Văn T** điều khiển xe mô tô biển số 70M1-7260 chở **Trần Ngọc C** ngồi phía sau có dấu hiệu nghi vấn nên yêu cầu **T** dừng phương tiện để kiểm tra thì phát hiện **T**, **C** cất giấu bên trong ba lô da, màu đen để trên бага xe mô tô biển số 70M1-7260 có 01 nắp nhựa màu trắng khoét 02 lỗ, một lỗ gắn một ống thủy tinh có một đầu gắn một đoạn ống hút nhựa màu trắng, một đầu dạng phễu, bên trong phễu có chứa chất màu nâu (được niêm phong, ký hiệu M1), 01 bịch nylon trong suốt, kích thước (01x01) cm, được hàn kín bên trong có chứa chất bột màu hồng (nghi vấn là chất ma túy, được niêm phong, ký hiệu M2). **Công an phường T** tiến hành lập biên bản kiểm tra, tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan và chuyển vụ việc đến Cơ quan, Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, xác định: **Tổng Văn T** và **Trần Ngọc C** có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sống chung như vợ chồng tại nhà của **T** thuộc **khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh**. Từ ngày 14/10/2025 đến ngày 23/10/2025, **C** tổ chức cho **T** sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần và cùng tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/10/2025, **Trần Ngọc C** đến quán cà phê tại khu vực **cầu C thuộc phường G, tỉnh Tây Ninh** gặp người bạn tên “Ti” (không xác định nhân thân, lai lịch) cho **C** 01 bịch nylon trong suốt được hàn kín bên trong có chứa chất bột màu hồng, 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy bên trong có chứa chất ma túy để sử dụng, **C** cất giấu tất cả vào ba lô màu đen của **C**. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên **C** thuê phòng số 3, **nhà nghỉ H2** thuộc **khu phố L, phường G, tỉnh Tây Ninh** để sử dụng chất ma túy. Tại đây, **C** lấy bộ dụng cụ sử dụng có chứa chất ma túy mà **T2** cho trước đó, dùng bật lửa đốt nóng sử dụng một mình 03 lần thì nghỉ. Đến 12 giờ 30 phút, **T** đến phòng số 3, **nhà nghỉ H2** gặp **C**; tại đây, **C** lấy bộ dụng cụ, đốt nóng chất ma túy, **C** và **T** lần lượt sử dụng cho đến khi hết chất ma túy. Sau đó, **T** điều khiển xe mô tô chở **C** về nhà của **T** và lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bỏ vào bịch nylon vứt trên đường đi.

- Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/10/2025, **Trần Ngọc C** điện thoại cho **Võ Tấn N** hỏi mua 500.000 đồng chất ma túy, **N** đồng ý và hẹn giao ma túy tại kênh chợ cũ **T** thuộc khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, **N** đến điểm hẹn giao cho **C** 01 ống thủy tinh trong suốt, hình móc câu dạng phễu có lỗ hở, bên trong phễu có chứa chất ma túy, bên ngoài ống thủy tinh có gắn 01 nắp nhựa màu trắng, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng, **C** đưa cho **N** số tiền 320.000 đồng, nợ số tiền 180.000 đồng. **C** đi về nhà của **T** và cất giấu ống thủy tinh có chứa chất ma túy vừa mua tại đầu nằm trên giường trong phòng của **T**. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, **C** lấy ống thủy tinh cất giấu trước đó gắn vào chai nước suối và rủ **T** cùng sử dụng. Khoảng 07 giờ ngày 24/10/2025, do bên trong ống thủy tinh còn chất ma túy nên **C** lấy ống thủy tinh và 01 bịch nylon chứa chất bột màu hồng (Ti cho **C** vào ngày 16/10/2025) cất giấu bên trong ngăn kéo ba lỗ màu đen đưa cho **T** để phía trước xe mô tô biển số 70M1-7260. **T** điều khiển xe mô tô chở **C** đi đến khu vực đoạn đường nhựa thuộc khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh thì bị **Công an phường T** kiểm tra, phát hiện như nêu trên.

- Tại Kết luận giám định có 2398/KL-KTHS ngày 26/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận:

+ Mẫu chất màu nâu (ký hiệu M1) bên trong 01 ống thủy tinh một đầu gắn một đoạn ống hút nhựa màu trắng, một đầu dạng phễu gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,0282 gam.

+ Mẫu chất bột màu hồng (ký hiệu M2) bên trong 01 bịch nylon trong suốt, kích thước (01x01) cm, được hàn kín gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,0309 gam.

- Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 24/10/2025 của **Công an phường T**, tỉnh Tây Ninh thể hiện: **Tổng Văn T**, **Trần Ngọc C** dương tính với chất ma túy trong cơ thể, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, **Trần Ngọc C**, **Tổng Văn T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, riêng **Trần Ngọc C** tự nguyện khai ra hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho **Tổng Văn T** vào ngày 14/10/2026.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 (một) bì thư niêm phong ghi vụ số 2398, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Thị Tuyết M**, trợ lý giám định **Lê Thị Thùy T3** và dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh T**; 01 bật lửa màu trắng – tím, trên thân bật lửa có hình con voi, phía dưới con voi có chữ và số ĐB.68; 01 ba lô màu đen; 01 quần dài màu xanh – vàng; 01 áo tay dài màu xanh – vàng; 01 đôi dép quai ngang, trên dép có ghi chữ OX, màu trắng – xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh.

Cáo trạng số: 37/CT-VKSTNH-KV ngày 23/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đã truy tố bị cáo **Trần Ngọc C** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy

định tại điểm a khoản 2 Điều 255 và điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo **Tổng Văn T** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 và điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo **Trần Ngọc C**, **Tổng Văn T** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Ngọc C** mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Ngọc C** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt đối với bị cáo **Trần Ngọc C** theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo **Tổng Văn T** mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo **Tổng Văn T** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt đối với bị cáo **Tổng Văn T** theo quy định của pháp luật.

Do các bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người quả tang, biên bản hiện trường, lời khai của người có liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

[2.1] Trần Ngọc C, Tống Văn T đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích. Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 24/10/2025, tại khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh, C, T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,0591 gam chất ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang, nên hành vi của Trần Ngọc C, Tống Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngoài ra, vào ngày 14/10/2025 Trần Ngọc C đã cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine, bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổ chức cho Tống Văn T sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần tại nhà nghỉ H2 thuộc khu phố L, phường G, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 23/10/2025, C tiếp tục cung cấp chất ma túy, bộ dụng cụ, T dùng địa điểm là phòng của T thuộc khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi của Trần Ngọc C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; hành vi của Tống Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Nền cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, đang có tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy, biết rõ thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn

cố tình thực hiện. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo **Trần Ngọc C** đã tự nguyện khai ra lần phạm tội trước đó nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, mỗi bị cáo có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy.

[5] Về đồng phạm, vai trò của từng bị cáo:

[5.1] Về đồng phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công, vai trò nhiệm vụ rõ ràng nên các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn.

[5.2] Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo **C** là người chuẩn bị ma túy, **bộ D**, rủ rê **Tống Văn T** sử dụng ma túy nên bị cáo **C** phải chịu trách nhiệm hình sự chính và cao hơn bị cáo **T**.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 (một) bì thư niêm phong ghi vụ số 2398, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Thị Tuyết M**, trợ lý giám định viên **Lê Thị Thùy T3** và dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh T**, bên trong có 01 (một) ống thủy tinh một đầu gắn 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, một đầu dạng phễu (kèm theo Kết luận giám định số 2398/KL-KTHS ngày 26/10/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T**); 01 (một) bật lửa màu trắng – tím, trên thân bật lửa có hình con voi, phía dưới hình con voi có chữ và số ĐB.68 (đã qua sử dụng) là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị kinh tế nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với 01 (một) ba lô da màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) quần dài, màu xanh – vàng trên quần có chữ Lucky day, đã qua sử dụng; 01 (một) áo tay dài, màu xanh – vàng trên áo có chữ Lucky day, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép quai ngang trên dép có ghi chữ OX, màu trắng – xanh, đã qua sử dụng là của các bị cáo, các bị cáo không yêu cầu được nhận lại, không còn giá trị kinh tế nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh – đen (đã qua sử dụng), không kiểm tra được chi tiết do bị khóa mật khẩu là của bị cáo **C**, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo **C**.

[6.4] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1, màu xanh, IMEI 1: 866993068333359, IMEI 2: 866993068333342, gắn sim điện thoại số 0376848549, trên sim có dãy số 8984048000938116911, mặt lưng bị trầy xước (đã qua sử dụng, điện thoại khóa pin, không kiểm tra được số Imei của điện thoại tại thời điểm giao nhận vật chứng) là của bị cáo **C** dùng để liên lạc mua ma túy để sử dụng, còn giá trị kinh tế nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Đối với các đối tượng và hành vi có liên quan khác:

[7.1] Đối với **Võ Tần N** đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho **Trần Ngọc C** đã bị khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” trong vụ án khác.

[7.2] Đối với người tên **T2** không xác định được nhân thân lai lịch, không làm việc được nên không có căn cứ xử lý.

[7.3] Đối với ông **Tổng Văn T1** (cha ruột của bị cáo **T**) và chị **Nguyễn Thị Hồng N1** – chủ **nhà nghỉ H2** không biết việc **C**, **T** sử dụng chất ma túy nên không xem xét xử lý.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Ngọc C**, **Tổng Văn T** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Ngọc C** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Ngọc C** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Ngọc C** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Trần Ngọc C** 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Tổng Văn T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Tổng Văn T** 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Tổng Văn T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Tổng Văn T** 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong ghi vụ số 2398, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Thị Tuyết M**, trợ lý giám định viên **Lê Thị Thùy T3** và dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh T**, bên trong có 01 (một) ống thủy tinh một đầu gắn 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, một đầu dạng phễu (kèm theo Kết luận giám định số 2398/KL-KTHS ngày 26/10/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T**); 01 (một) bật lửa màu trắng – tím, trên thân bật lửa có hình con voi, phía dưới hình con voi có chữ và số ĐB.68 (đã qua sử dụng); 01 (một) ba lô da màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) quần dài, màu xanh – vàng trên quần có chữ Lucky day, đã qua sử dụng; 01 (một) áo tay dài, màu xanh – vàng trên áo có chữ Lucky day, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép quai ngang trên dép có ghi chữ OX, màu trắng – xanh, đã qua sử dụng

2.2. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1, màu xanh, IMEI 1: 866993068333359, IMEI 2: 866993068333342, gắn sim điện thoại số 0376848549, trên sim có dãy số 8984048000938116911, mặt lưng bị trầy xước (đã qua sử dụng, điện thoại khóa pin, không kiểm tra được số Imei của điện thoại tại thời điểm giao nhận vật chứng).

2.3. Trả cho bị cáo **Trần Ngọc C**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh – đen (đã qua sử dụng), không kiểm tra được chi tiết do bị khóa mặt khóa.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh)

3. Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Trần Ngọc C**, **Tổng Văn T**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Vụ GDKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 - TN;
- CQ THAHS CA tỉnh Tây Ninh;
- P THADS khu vực 12 - TN;
- Phân trại tạm giam Gia Lộc;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

